



Cần có cách nhìn đầy đủ về lợi thế và hạn chế đào tạo chất lượng cao theo nhu cầu xã hội ở ĐBSCL

**NGND. GS.TS.
NGUYỄN THANH TUYỀN
& TS. VÕ KHẮC THƯỜNG**

Đào tạo chất lượng cao là một nhu cầu bức xúc ở VN

Đào tạo chất lượng cao là một nhu cầu vừa có tính chiến lược, hay là một quốc sách và cũng là yêu cầu bức xúc phù hợp với đặc điểm của mỗi giai đoạn phát triển giáo dục quốc dân. Ở VN cuộc cải cách giáo dục đào tạo trong thời kỳ đổi mới ở những năm 90 của thế kỷ 20 đã mang lại những kết quả có tính đột phá. Nhưng đến cuối

những năm 90 bước qua năm 2000 thì bị chững lại. Từ đó nền giáo dục VN tụt hậu triền miên và đang trong tình trạng trì trệ thua kém các nước Đông Nam Á (trừ Lào, Campuchia, Mianma). Trong đó giáo dục đại học còn xa với chuẩn mực liên thông quốc tế.

Sau 20 năm đổi mới, kinh tế VN có nhiều chuyển biến quan trọng, làm thay đổi đáng kể diện mạo quốc gia, đã biến VN từ một trong chục nước nghèo nhất thế giới sang nước có thu nhập trung bình. Song giáo dục thì chưa tương xứng. Kinh tế VN đang biến chuyển mạnh mẽ theo xu thế hội nhập toàn cầu, nhưng nền giáo dục không có những bước cải cách đột phá thì không thể không là yếu tố kiềm chế sự tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc dân.

Nghị quyết đại hội đảng lần thứ 11 cũng tiếp tục khẳng định: Đến năm 2020 VN sẽ hoàn thành cơ bản công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Nhưng nếu nền giáo dục ĐH VN vẫn giữ nguyên trạng

như hiện nay thì việc đáp ứng được mục tiêu đó vẫn còn xa vời.

Đặc biệt là ở ĐBSCL do nhiều yếu tố chi phối về địa lý, tâm lý, cơ sở hạ tầng nên vẫn bị coi là “vùng trũng” giáo dục – nghĩa là số học sinh, sinh viên tính trên số dân vẫn còn thấp hơn nhiều vùng khác. (Tuy nhiên phải nhìn nhận thực tế là tỷ lệ thành đạt theo so sánh tương quan đó là không ít – Tôi sẽ đề cập ở phần sau). Do vậy cần đặc biệt chú trọng đến giáo dục và đào tạo ở đây - Đó cũng chính là nguyên nhân của cuộc hội thảo khoa học này.

2. Thế nào là đào tạo chất lượng cao theo nhu cầu XH

Đào tạo chất lượng cao đã được xác định bằng các chuẩn mực, hệ thống tiêu chí, về tri thức, tư duy, kỹ năng, năng lực ứng xử và khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức được trang bị. Và cuối cùng là đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng - người đại diện cho xã hội sử dụng nguồn nhân lực đó. Có

thể đi sâu hơn về các chuẩn mực và tiêu chí này.

2.1 Về tri thức:

Sinh viên được trang bị những kiến thức căn bản (Khoa học – Kỹ thuật – Kinh tế – Xã hội) làm nền tảng cho việc hình thành tư duy khoa học độc lập trong nghiên cứu và vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề do thực tiễn (hoặc thực tế) đặt ra trong phạm vi nghề nghiệp được đào tạo và các khía cạnh hữu quan.

2.2 Về tri thức chuyên nghiệp:

Tiếp nhận có chiều sâu kiến thức chuyên nghiệp và những kiến thức liên quan để tạo thành một “mạng”



kiến thức đa diện “đa chiều” ứng phó linh hoạt và sáng tạo với mọi động thái phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

2.3 Kỹ năng: gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm.

a. Kỹ năng cứng: ứng xử linh hoạt với các tình huống phát sinh trong chuyên nghiệp hoặc các vấn đề có các mối quan hệ hướng vào giải quyết các mục tiêu được xác định.

b. Kỹ năng mềm: hành vi ứng xử có văn hoá nhạy cảm, thích ứng với từng điều kiện, môi trường hoạt động, ứng xử mềm dẻo, thu phục và thích nghi nhanh với mọi

hoàn cảnh.

2.4 Phẩm chất:

Là đạo đức nghề nghiệp và đạo đức kinh doanh mà chủ yếu xoay quanh trách nhiệm và chữ tín. Không có bất cứ ở chế độ XH nào mà có thể tách biệt giữa sự nghiệp với đạo đức nghề nghiệp và kinh doanh, bởi tách rời nó là không thể phát triển bền vững (theo quan hệ Nhân – Quả).

3. Các yếu tố tác động đến đào tạo chất lượng cao

3.1 Học lực:

Học lực biểu hiện như là nhân tố trọng yếu để tiếp cận và tiếp thu kiến thức được truyền đạt. Tuy

viên VN học giỏi, có điểm cao hơn so với sinh viên Bắc Triều Tiên, thậm chí hơn cả sinh viên Trung Quốc, nhưng chúng tôi cho rằng: Sinh viên Bắc Triều Tiên có nhiều cơ hội thành đạt hơn bởi họ có ý chí và học cái gì cần để phục vụ tốt cho đất nước họ; còn sinh viên VN nặng về học thuộc bài để lấy thành tích (tôi suy nghĩ, người miền Tây có tính tương đồng đó, bởi họ hay đặt câu hỏi với thầy giáo: học cái đó để làm gì? và vận dụng như thế nào trong thực tế...) Trong khi sinh viên miền Bắc và miền Trung thì thích đi vào học thuật kinh viện hơn.

3.2 Nghị lực của người học:

Đó là yếu tố tạo nên chí hướng giúp họ vượt khó để đi đến thành công.

3.3 Công nghệ đào tạo tiên tiến:

Bao gồm hệ thống, mục tiêu, chương trình, giáo trình, đội ngũ giảng huấn, phương pháp giảng dạy, phương pháp thực nghiệm, đào luyện kỹ năng khi còn trên ghế học đường. Công nghệ đào tạo nào sẽ cho ra “sản phẩm” tương ứng đó.

3.4 Học gắn với hành:

Cái “hành ”ở đây có ngay cả trong những bài giảng thuần lý thuyết, còn ở các môn chuyên nghiệp thì phải cao hơn và luôn gắn chặt.

3.5 Trách nhiệm:

Là nói đến động cơ và ý thức xã hội của người học. Động cơ và ý thức tốt là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm thành công trong sự nghiệp.

3.6 Thích nghi:

Vượt qua mọi thói quen, thử thách để nhanh chóng thích nghi với mọi hoàn cảnh.

3.7 Hoà nhập cộng đồng:

Để hướng đến một lợi ích chung

nhiên cũng không nên coi đó là tiêu chí duy nhất hay quyết định đến con đường lập nghiệp. Bởi không ít sinh viên có học lực tốt ở phổ thông, ngay cả á khoa, thủ khoa trong tuyển sinh ĐH lên đại học, học lực kém dần hoặc nhiều sinh viên có học lực khá, giỏi ở ĐH khi “ra đời” cũng không mấy thành đạt, bởi quen với lối học “tâm chương trích cú”. Ngược lại có nhiều sinh viên học lực trung bình nhưng sau một thời gian lập thân, lập nghiệp khá thành công.

Tôi còn nhớ khi học ở Liên xô (cũ), trong 1 cuộc họp với sinh viên, NCS VN, Đại diện Bộ giáo dục ĐH Liên Xô có nhận xét: Sinh



và vì sự nghiệp cao cả của quá trình xã hội hoá.

4. Kết quả đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội tính từ “mốc” nào?

Ở Mỹ và Pháp có những nhận xét khái quát về sinh viên VN như sau: Học lực ở bậc phổ thông tốt, lên ĐH phần lớn đạt học lực khá, nhưng khi “ra đời” làm việc thì ít sáng tạo so với sinh viên các nước châu Âu tuy có học lực thấp hơn.

Ở VN hiện nay còn nặng giáo dục theo lối nhồi nhét (học thuộc lòng). Do vậy mặc dù nhiều học sinh, sinh viên có điểm số cao nhưng ít sáng tạo. Một đơn cử như sau:

- Không ít học sinh ở bậc phổ thông học rất tốt, thi tuyển sinh ĐH đạt điểm cao, thậm chí là á khoa, thủ khoa, nhưng ở bậc ĐH, thì sức học tụt dần và ít thành đạt khi nhiệm sở.

- Nhiều sinh viên ĐH có kết quả khá, thậm chí giỏi nhưng khi ra đời không theo kịp trào lưu xã hội và tụt hậu.

- Ngược lại nhiều sinh viên học lực bình thường nhưng linh hoạt ứng xử, nhanh chóng tiếp cận thực tiễn trưởng thành và phát triển mau lẹ.

Do đó đánh giá chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội cũng không thể chỉ dựa vào chuẩn mực hay tiêu chí về học lực hoặc nhìn vào kết quả bước đầu mà phải đánh giá một cách toàn diện, hệ thống và có thời gian. Bởi chúng ta không thể làm lẫn mục tiêu và yêu cầu khác nhau giữa các bậc học: THCS, cao đẳng và đại học.

Nếu đòi hỏi thực hiện được ngay tác nghiệp về nghiệp vụ thì đó thuộc chức năng học sinh THCS; yêu cầu cao hơn về khả năng vận

dụng và tổ chức công việc là sinh viên cao đẳng. Sinh viên tốt nghiệp ĐH có khác, bởi giáo dục ĐH là trang bị hệ thống kiến thức rộng từ cơ bản đến chuyên sâu. Yêu cầu sinh viên sau tốt nghiệp phải có tư duy độc lập, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức được trang bị để tổ chức điều hành công việc có hiệu quả. Do vậy, họ có thể bỡ ngỡ đối với các tác nghiệp cụ thể (như viết hoá đơn, chứng từ, quy trình tác nghiệp kỹ thuật...). Nhưng họ có thể ứng phó nhanh sau khi tiếp cận và có khả năng điều chỉnh nó nếu như cơ chế hoạt động đó còn khiếm khuyết. Dựa vào hiện tượng trên, nhiều nhà tuyển dụng có thể đánh giá sai lệch về sự đáp ứng yêu cầu, mà chưa nhìn hết cái mạnh tiềm ẩn của họ. Do vậy, đối với sinh viên sau tốt nghiệp ĐH, không thể chỉ đánh giá qua một vài hiện tượng trong một thời gian ngắn sau nhận việc mà cần có thời gian để kiểm định, đánh giá và khẳng định.

Kinh nghiệm cho thấy hầu hết sinh viên đang nhiệm sở đều cho rằng: Thạo việc phải sau 2 năm lao động và từ đó đặt nền móng cho sự phát triển nghề nghiệp vững chắc và từ 3-5 năm mới có thể khẳng định được năng lực tùy theo nghề nghiệp hoạt động. Riêng trong ngành giáo dục đào tạo, một thầy giáo muốn khẳng định được năng lực phải có thời gian dài hơn. Đối với giảng viên ngành khoa học tự nhiên có thể từ 2-3 năm. Giảng viên khoa học – kỹ thuật có thể từ 5-7 năm và giảng viên ngành KHXH (kinh tế - chính trị - nhân văn) phải có ít nhất 10 năm mới khẳng định được chỗ đứng thực sự.

5. Những hạn chế và thế mạnh về đào tạo nguồn nhân lực ĐBSCL

5.1 Những hạn chế

a. Số học sinh, sinh viên đến trường còn thấp, chỉ bằng gần 1/3 số học sinh, sinh viên theo học bình quân trong cả nước, do vậy tỉ lệ sinh viên có điểm cao trúng tuyển ĐH cũng hạn chế. Điều này có nhiều lý do:

- Sông rạch chằng chịt, đi lại khó khăn, 6 tháng đội nắng, 6 tháng dầm mưa, lại thêm mùa nước nổi, gây cản ngại bước chân các em đến trường. Nếu cha mẹ không quyết tâm sẽ làm chùn bước các em đến trường.

- Ở vùng sâu, vùng xa đòi sống thuần nông đói kém việc đưa con em đến trường cũng không dễ dàng.

- Nhiều nơi dân cư thưa thớt, giao lưu khó khăn, cũng gây trở ngại cho tổ chức các lớp học, cấp học.

- Những vùng kinh tế thuần nông để làm ăn, không ít người dân vẫn còn tâm lý thiếu chữ vẫn làm ra cái ăn.

- Đồng bào Khmer và ngay cả một số người Hoa cũng chưa có thói quen đưa con trong độ tuổi đến trường và càng không quan tâm với con đường học vấn cao.

b. Học sinh ở vùng ĐBSCL còn nặng thói quen học: “cái này” để làm gì? và “cái đó” ứng dụng như thế nào? Ít quan tâm đi sâu vào học thuật, lý thuyết, làm hạn chế kết quả học tập theo truyền thống “tầm chương, trích cú” của hệ thống giáo dục ở VN hiện nay. Tuy nhiên có thể nó là “lợi thế” trong hoạt động thực tiễn.

c. Hệ thống các trường ĐH: Chỉ có 14 trường mà chủ yếu được xây dựng trong 5 năm gần đây, nên đội ngũ giảng viên còn ít, thiếu kinh nghiệm, đội ngũ thỉnh giảng từ các ĐH ở TP.HCM chiếm tỉ lệ còn cao.

d. Hệ thống hạ tầng và giao thông yếu kém nhất cả nước, gây trở ngại lớn cho giao lưu kinh tế, văn hoá giáo dục (chỉ từ 5 năm trở lại đây mới được cải thiện nhưng vẫn đi sau các vùng khác). Dân gian thường nói: “Tiểu lộ – Tiểu phát” – “Trung lộ – Trung phát” – “Đại lộ – Đại phát”. Song điều đó lại là thất thế của ĐBSCL kéo dài hơn 30 năm, đã gây thiệt hại kép cho ĐBSCL: Kinh tế kém phát triển – Hạn chế động lực phát triển giáo dục.

e. Đầu tư giáo dục cũng thua kém mức trung bình của các vùng trong cả nước. Nhiều năm trước còn nhiều lớp học tạm bợ – chưa khuyến khích tinh thần “khuyến học – khuyến dạy” của thầy và trò. Điều này lẽ ra phải đầu tư ngân sách nhiều hơn các vùng khác bởi đặc điểm về địa lý (các vùng khác trên 20% học sinh, ở ĐBSCL trước 2005 chỉ ≈ 18%).

Ngoài ra đầu tư về thủy lợi và các yếu tố khác cho phát triển kinh tế, để từ kinh tế mở rộng hơn sự nghiệp giáo dục còn bỏ ngỏ Kinh tế ĐBSCL vẫn là kinh tế “nội lực”.

Tất cả các lý do trên gây tác động hạn chế đáng kể đối với sự nghiệp giáo dục ở ĐBSCL.

5.2 Thế mạnh của đào tạo nguồn nhân lực ở ĐBSCL

ĐBSCL là mảnh đất tận cùng mà lưu dân người Việt dừng chân, dài theo con đường mở cõi qua nhiều thế kỷ và thế hệ; bắt nguồn từ châu thổ Sông Hồng, đến vùng Ngũ Quảng rồi Đông Nam Bộ. Những con người khai mở qua nhiều cuộc chinh phục thiên nhiên, mở đất dù ban đầu ít chữ nghĩa nhưng ắt phải hình thành cho mình tính cách riêng hay tô đậm thêm sắc thái về bản lĩnh. Thật vậy, đó chính

là tính hào sảng, phóng khoáng, quảng đại, xả thân, dễ tiếp nhận cái mới và ít khuôn mẫu. Những đặc tính này không chỉ thâm nhập vào người dân nơi đây mà ngay cả những bậc hiền tài của đất Chín Rồng.

Nhìn một cách đầy đủ, ĐBSCL vẫn là nơi qua nhiều giai đoạn lịch sử đã cung cấp nhiều hiền tài cho đất nước và có lợi thế đào tạo nguồn nhân lực trong tương lai, mặc dù lưu dân đầu tiên đặt chân đến đây không giàu chữ nghĩa. Tuy nhiên nhận định này có thể phân cực bởi tầm nhìn và cách suy nghĩ của những người bình thường chỉ căn cứ vào 1 số hiện tượng bề ngoài, và cực kia là những người hiểu biết rộng, học vấn uyên thâm. Những người từng trải, hiểu rộng có thể có sự nhận định đánh giá chuẩn mực hơn, với một số minh chứng sau:

- Vua Gia Long: Đây là vùng đất dưỡng nhân, người tài thì rất tài giỏi và rất trung hậu.

- Đ/c Lê Duẩn (nguyên Tổng bí thư ĐCS VN), người gắn bó với ĐBSCL suốt cuộc kháng chiến chống Pháp: Ở đây có rất nhiều con người đặc sắc mà ở các vùng khác hiếm có và nếu chưa hiểu hết tính cách của người Nam Bộ thì khó đánh giá chính xác về họ.

- Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng, trong bài diễn văn ngày giỗ đầu của Bác: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là con chim đại bàng của dãy Trường Sơn, có tầm mắt nhìn thấu tận Châu thổ Sông Hồng, nơi quê hương của Thủy Tổ và đến ĐBSCL nơi quê hương giàu hoa quả và trí dũng.”

- Học giả Đào Duy Anh (theo lời kể của GSTS Đặng Đình Áng – Nhà toán học nổi tiếng của VN): Ông cố gắng đưa tôi thăm ĐBSCL,

không phải xem đồng ruộng, vì đồng lúa nước ở đâu cũng vậy, nhưng với sự hiểu biết của mình, tôi cho đây là vùng sản sinh nhiều anh tài, hào kiệt nối tiếp truyền thống Ông Cha.

- GS Viện sĩ Trần Đại Nghĩa (người duy nhất được Bác Hồ gọi là đại tri thức) có nhận xét: “Ở đây có rất nhiều người tay nghề và sáng tạo đi trước học thức”.

Những nhận xét tương tự, cũng dễ tìm thấy ở những người có tầm nhìn sâu rộng. Gần đây nhất khi bức xúc trước mặt bằng học vấn còn thấp (theo tôi không nên dùng mặt bằng dân trí thấp; tác giả sẽ diễn giải trong bài viết), người con của đất Nghệ Tĩnh – đất học nổi tiếng của VN, có thời gian gần bó với ĐBSCL cũng lên tiếng: “Đường như có một bức tranh tương phản trong trình độ dân trí tại ĐBSCL. Nơi đây vốn là vùng đất sinh ra nhiều danh nhân tài cao, học rộng... và từ buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, là nơi cung cấp một đội ngũ trí thức khá đông đảo với hàng chục, hàng trăm ngàn các bậc trí giả, nhà khoa học, nhà thơ, nhà văn, nhà báotrong đó có nhiều tên tuổi được xếp vào bậc đầu đàn của đất nước và không ít người được thế giới biết tên tuổi” (Phan Huy – Báo *Nhân dân* ngày 8-9-1996). Tác giả đã nhìn nhận rất khách quan, công bằng và thấu đáo.

● Thật vậy, với thời gian 300 năm mở đất và giữ cõi, với lưu dân ban đầu không nhiều chữ nghĩa, mà ở đây cũng xuất hiện nhiều anh hùng hào kiệt và các bậc hiền tài trung hậu, thời nào cũng có.

- Các anh hùng hào kiệt: Nguyễn Trung Trực, Đốc Binh Kiều, Thiên Hộ Dương, Lãnh Binh Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn

Huỳnh Đức.... Trương Định cũng dùng binh trên vùng đất này.

- Các bậc danh nhân, học giả uyên bác và khí khái: Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Phan Thanh Giản (Tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ), Phạm Đăng Hưng, Lê Quang Định Đặc biệt Trương Vĩnh Ký là nhà Bác học duy nhất được Thế giới tôn vinh (một trong 18 nhà bác học đương thời. (Bảo tàng Louvre -Paris). Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu và nhà giáo lịch sử Võ Trường Toản cũng thành danh ở đây. Khi mà bản đồ VN còn ít được thế giới biết đến, Trương Vĩnh Ký cũng đi tiên phong trong hoàn thiện và truyền bá quốc ngữ. Biết thành thạo 27 thứ tiếng nước ngoài, ông cũng là nhà báo đầu tiên của VN. Từ đó báo chí đã trở thành 1 phương tiện truyền bá văn hoá đại chúng. Theo đó xuất hiện nhiều chủ bút nữ giới hàng đầu của VN như bà Sương Nguyệt Ánh, bà Nguyễn Đức Nhuận và tiếp theo rất nhiều nhà báo nổi tiếng như Dương Tử Giang, Trần Bạch Đằng Báo chí cũng khơi nguồn cho văn học bằng quốc ngữ ra đời, mà tiêu biểu là nhà văn Hồ Biểu Chánh, Đông Hồ, Mộng Tuyết, học giả Vương Hồng Sển, nhà Nam Bộ học Sơn Nam...

● Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

- Nhiều tri thức nổi tiếng đức độ cao quý, đã rời bỏ vinh hoa để dẫn thân vào cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc: Luật sư Nguyễn Hữu Thọ (chủ tịch MTDT GPMNVN), kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát (Thủ tướng Chính phủ

CMLTCHMNVN), kỹ sư Cao Triều Phát (Bác Hồ gọi thân mật – người bạn già MN – Phó chủ tịch MTTQVN – hiến cho CM gần 10.000 mẫu đất), Kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt (có vị trí vững chắc trong làng Tây – Bác Hồ gọi là – Quân tử mới), Ông Ung Văn Khiêm (nguyên Bộ trưởng Ngoại giao VN DCCH), Luật gia Nguyễn Văn Tạo (nguyên Bộ trưởng Bộ Lao động – VN DCCH), Kỹ sư Ngô Tấn Nhơn



(nguyên Bộ trưởng Bộ Canh nông – Đặc phái viên của chính phủ tại Nam Bộ), Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng (nguyên Bộ Trưởng Bộ Y tế VN DCCH), GSBS Nguyễn Thiện Thành, GSBS Nguyễn Tấn Gi Trọng, GS bác sĩ Nguyễn Văn Thủ, luật gia Phạm Văn Bạch (nguyên Chủ tịch UBKCHC Nam Bộ, Chánh toà án nhân dân tối cao VNDCCCH), GS Nguyễn Văn Hiếu (nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hoá CHXH CNVN), Bác sĩ Phùng Văn Cung(nguyên Phó Chủ tịch MTDT GP MNVN), bác sĩ Dương Quỳnh Hoa (nguyên Bộ Trưởng Bộ y tế - Chính phủ CM Lâm thời CH MNVN), Ông Nguyễn Văn

Nguyễn UVTW cục MNVN), anh em nhà trí thức luật sư Phạm Ngọc Thuần (nguyên chủ nhiệm UB Văn hoá đối ngoại VN DCCH – Bộ Trưởng) và Kỹ sư Phạm Ngọc Thảo (Nguyễn Thành Luân – “Ván bài lật ngửa”), luật gia Trần Công Trường, Trần Bửu Kiếm, Mai Văn Bộ..., Tiến sĩ luật sư Bùi Thị Cẩm, Mai Thị Lựu... Nhà trí thức lớn của VN- ông Nguyễn An Ninh (Long An) cuối đời cũng đã tìm đến và

hoà nhập vào con đường CM do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Đất Chín Rồng, cũng góp nhiều nhà lãnh đạo có đức, có tài: Bác Tôn Đức Thắng, đ/c Châu Văn Liêm, Võ Văn Tần, Phạm Hùng, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Thập...

- Trong giới khoa học, đứng hàng đầu quốc gia: GSVS Trần Đại Nghĩa, GS Lương Định Của, GS Trần Văn Giàu, GS Nguyễn Tấn Gi Trọng, Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, GS Nguyễn Văn Thủ, GS.TS. Nguyễn Thiện Thành.

Nhiều nhà bác học nổi tiếng người miền Tây ở nước ngoài luôn



hướng về Tổ quốc: GS.TS. Trần Văn Khê, GSTS Nguyễn Thuyết Phong (di sản quốc gia Mỹ), - là 2 người VN duy nhất được ghi danh vào Đại từ điển âm nhạc quốc tế. Tiến sĩ Trần Văn Thịnh (Đại sứ Cộng đồng châu Âu đảm nhận kinh tế quốc tế, nhà kinh tế nổi tiếng quốc tế), Bác học Nguyễn Đạt Xường (tầm vóc quốc tế cũng là người VN duy nhất nhận Đề nhất Bắc đầu Bội tinh của Pháp), Tiến sĩ Trương Trọng Thi một trong những người đầu tiên phát minh ra máy vi tính (lưu ở viện bảo tàng Boston). Những người đứng đầu trong nhóm người Việt tại NASA (Mỹ): TS Nguyễn Hữu Phước (lãnh đạo nhóm nghiên cứu kỹ thuật mới), TS Trịnh Hữu Châu (nhà nghiên cứu vũ trụ, phi hành gia tàu con thoi Colombia), TS Trần Kim Huy (lãnh đạo nhóm nghiên cứu vật vật liệu con tàu vũ trụ thám hiểm sao Hỏa) và Trịnh Diệp cũng là một kỹ sư xuất sắc ...

Ngoài ra trong bộ máy chính quyền ở nước ngoài cũng có một số người gốc miền Tây giữ chức Bộ trưởng ở Đức và Úc.....

- Trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật: Nếu nói nghệ thuật là sáng tạo, thì nơi đây cũng ghi một kỳ tích đặc sắc vào kho tàng văn hoá

dân tộc VN, bằng dòng nhạc tài tử cải lương độc đáo với tâm huyết của những lưu dân không nhiều chữ nghĩa hướng về cố hương, cội nguồn dân tộc, gắn với tên tuổi của cổ nhạc sĩ Cao Văn Lầu. Tiếp nối đó là sự thành danh của nhiều nghệ sĩ lừng danh: Mộc Quán, Năm Châu, Bảy Nam, Phùng Há, Ba Vân, Út Trà Ôn, Thành Tôn, Viễn Châu, Hà Triều – Hoa Phượng, Ba Du, Tám Vân và các thế hệ hùng hậu nổi tiếng cho đến hôm nay.

Trong hai cuộc kháng chiến, giới văn nghệ sĩ miền Tây cũng không ít người đứng đầu hay đăng cấp quốc gia: GSVS nhạc sĩ Lưu Hữu Phước (một trụ cột trong 4 trụ cột âm nhạc cách mạng), Hoàng Hiệp, Phan Nhân, Lưu Cầu, Trần Kiệt Tường, Tạ Thanh Sơn... Trong giới hội hoạ điêu khắc: Hoà sĩ nhà điêu khắc hàng đầu Diệp Minh Châu (trích máu vẽ tranh Bác Hồ và 3 cháu thiếu nhi Trung – Nam – Bắc và được gán gửi Bác để sáng tác), hoạ sĩ Nguyễn Sáng (một trong 4 trụ cột hội hoạ CMVN), hoạ sĩ nhà điêu khắc nổi tiếng Nguyễn Hải, Hoà sĩ Huỳnh Văn Gấm người đầu tiên được thiết kế đồng tiền Cụ Hồ, Hoà sĩ Nguyễn Hiêm, hoạ sĩ Huỳnh Phương Đông, các hoạ sĩ tài năng là những chiến sĩ cách mạng...(1)

- Về văn học có các gương mặt: Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Đoàn Giỏi, Lê Văn Thảo, Trang Thế Hy, Viễn Phương, Lê Anh Xuân...(2)

- Trong lĩnh vực điện ảnh: Nhà điện ảnh nổi tiếng sáng tạo Khương Mễ (Pháp gọi là ông Lumiere của VN), người quay hình ảnh Bắc đầu tiên ở Việt Bắc ông Nguyễn Thế Đoàn và nghệ sĩ điện ảnh được giải thưởng HCM đợt một duy nhất là Hồng Sến, và các nghệ sĩ tài danh nổi tiếng khác như NSND Lâm Tới “ngôi sao màn bạc VN”, NSND Can Trường (người VN đầu tiên đóng vai Lenin trên kịch trường CM) và rất nhiều nghệ sĩ tài năng khác... (3)

(1),(2),(3), các nhà hoạt động khoa học văn hoá nghệ thuật trên đều nhận được giải thưởng HCM hoặc giải thưởng MN đợt 1,2,3.

Lực lượng văn nghệ sĩ là người ĐBSCL ở TP.HCM rất hùng hậu từ trước và hôm nay.

- Đứng đầu trong giới kinh doanh: ngày xưa có câu “Nhất sĩ, Nhi Phương, Tam Xường, Tứ Định” và sau có thêm “Ngũ trạch – người VN có máy bay đầu tiên), trong đó nhiều người là gốc miền Tây. Sau này có nhà kỹ nghệ gia nổi tiếng Trương Văn Bền (xà



bông Cô Ba, thương hiệu còn tồn tại đến ngày nay), nhà kinh doanh nổi tiếng Nguyễn Tấn Đồi (địa ốc – NH) và nay cũng không ít người thành đạt, nhưng rất đời thường và khiêm tốn.

- Để đánh giá và ghi nhận công lao to lớn trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc, giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I được trao cho những nhà khoa học, văn học, nghệ thuật kiệt xuất nhất, cống hiến xuất sắc nhất cho hơn 50 người thì ĐBSCL đã có 12 người.

● Miền đất có nhiều sáng tạo và độc đáo: Đã được nhiều sách báo, phim ảnh (đặc biệt là bộ phim tư liệu nhiều tập “Đất Chín Rồng” đã đề cập).

Tôi còn nhớ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, khó khăn trăm bề, cụ thể: Đài tiếng nói Nam Bộ thiếu thốn mọi phương tiện kỹ thuật, nhưng với quyết tâm cao khắc phục mọi khó khăn và sáng kiến, đài phát thanh này vẫn phát sóng trên toàn quốc, trên chiếc xuồng “Ba lá” ở vùng U minh xa xôi, mà báo chí gọi là một thời “tay không lắp máy phát thanh” (SGGP 22/12/2000). In giấy bạc Cù Hồ trong rừng sâu ngập nước cũng là chuyện hi hữu bởi trí sáng tạo và lòng nhiệt huyết vượt mọi gian khó của con người (Ở Việt Bắc TW được Trung Quốc giúp đỡ). Vũ khí tự tạo và dân gian được nờ rộ đến những đội quân tóc dài tay không đánh giặc góp phần làm nên “đồng khởi”.

Những thành công kế tiếp chinh phục thiên nhiên trong điều kiện hết sức khó khăn, cũng là những kỳ tích của những cuộc tấn công đầy tâm huyết và sáng tạo chinh phục Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, để ĐBSCL có thể bảo đảm an ninh lương thực cho cả nước và

đứng thứ hai xuất khẩu gạo trên Thế giới... Và rất nhiều sáng tạo độc đáo khác mà đ/c Lê Duẩn đã từng nói.

● Đất Chín Rồng cũng là nơi sinh ra nhiều tài năng sáng tạo vượt trên trình độ học vấn: Đây cũng chính là nhận định của GSVS Trần Đại Nghĩa. Ở đó có những người chân đất, không có điều kiện học hành nhưng có đầu óc sáng tạo vượt nhiều lần so với sức học của họ. Với trình độ văn hoá cấp 1 có nhiều người lập kỳ tích, tiêu biểu như “thần đèn” Nguyễn Cẩm Lũy, nhà nhân giống lúa mới Hải Triêm, “kỹ sư” cầu treo Sáu Quý, “nhà chế tạo” máy gặt đập liên hợp Bùi Hữu Nghĩa, “nhà chế tạo” máy hút bùn Trần Văn Dũng, “kỹ sư” máy dệt chiếu Nguyễn Văn Long, Vua cua-ghe lột Nguyễn Văn Quan, người nông dân cho cá da trơn đẻ “nhân tạo”, không phòng thí nghiệm, người nông dân tạo nên chiếc “tắc rắng” thích hợp cho vùng sông nước Cửu Long, người thu mua phế liệu chế tạo khung long máy đầu tiên Dương Tấn Thành... Những sáng kiến như vậy ở ĐBSCL không hiếm, bằng nỗ lực sáng tạo của mình toàn ĐBSCL chỉ có 18% kỹ sư nông nghiệp cả nước, đã tạo 60% sản lượng gạo và 90% gạo xuất khẩu của cả nước ra thế giới với diện tích canh tác bằng 38% cả nước. Trong hoàn cảnh khó khăn người nông dân ở đây bằng lao động sáng tạo đã đóng góp không nhỏ “nội lực” để tạo vị thế cho đồng bằng.

● Các lĩnh vực khác cũng có sự đóng góp không nhỏ những người con ĐBSCL.

Những người con miền Nam tập kết ra Bắc không nhiều chỉ bằng 1/16 số con em tập kết ra Bắc. Số sinh viên ĐH chưa đến

2.000 người, song công bằng mà nói, đã đóng góp không nhỏ vào thời đầu xây dựng ở Miền Bắc về công nghiệp, nông nghiệp, hàng hải, hàng không. Điều đáng nói là thời kỳ đó khoa học, kỹ thuật còn thấp kém, thông tin rất hạn chế, có những công việc chỉ làm được bằng nhiệt huyết và trí sáng tạo không ngại gian khổ. Trong lịch sử không quân VN những người con miền Tây không nhiều, nhưng có mặt hai trong ba anh hùng đầu tiên (Nguyễn Văn Bảy, Lâm Văn Lích), đến tiếng bom cảnh báo vào dinh độc lập về ngày Đại thắng mùa xuân 1975 của phi công huyền thoại Nguyễn Thành Trung...

Phong trào học sinh, sinh viên với dấu ấn lịch sử ngày 9/1 và phong trào đấu tranh của sinh viên trong lòng đất Mỹ, ghi nhận sự đóng góp không nhỏ của những đứa con châu thổ (Trần Văn Ôn, Nguyễn Thái Bình...).

Những đóng góp công đầu trong ngành thể thao cũng là dấu ấn của những người miền Tây với “ngôi sao Gia Định”, huyền thoại bóng đá Trương Tấn Bửu (người VN duy nhất nhận danh hiệu FIFA), vô địch quần vợt Đông Nam Á Võ Văn Bảy, Đại lực sĩ huyền thoại Hà Châu... còn có nữ thuyền trưởng đầu tiên của VN Nguyễn Thị Hồng, đã cứu sống 36 người gặp nạn trong cơn bão lịch sử số 5 vùng biển Tây Nam Tổ Quốc. Ở Campuchia có một người VN độc nhất được nhà vua Sihanouk phong hiệu “Công tước”, hay chuyện về bà Anoa mảnh khảnh lái máy bay vượt 14.000 km từ Paris đến VN qua 22 quốc gia với 41 lượt dừng chân để về đóng góp cùng quê hương cũng là người con miền Tây. Tiến sĩ Phật học Thích Huyền Diệu xây chùa trên đất Phật Nepal



để độ thế cũng là người con Bến Tre

Trong đạo giới, những người con miền Tây cũng đạt những danh tước cao quý như “Phật sống” theo kháng chiến (Lư Công Danh), Hồng y Giáo chủ và các bậc cao tăng cao thượng chân chính..

Có thể nói đây là vùng đất có những đóng góp rất đa diện và đặc sắc. Mặt khác cũng là vùng đất góp nhiều trong canh tân đất nước và trong quá trình phát triển 300 năm của Sài Gòn – TP.HCM. (4)

(4): *Tác giả với bài viết “ĐBSCL với 300 năm Sài Gòn – TP.HCM” báo Nhân dân 6/1999*

Cũng xin nói thêm ngoài lẽ một chút: Người ta nói người miền Tây không khéo nói, nhưng nhiều nhà MC có đẳng cấp quốc gia lại không ít người miền Tây: Chánh Tín, Thanh Bạch, Quỳnh Hương, Quyền Linh, Thành Lộc, Tạ Minh Tâm v.v.. Người miền Tây có thể ít nổi danh trên trường thi nhưng không ít tên tuổi được khẳng định trong sự nghiệp. Từ đó liên hệ với những đặc điểm vốn có, mặt bằng học vấn hiện hữu, và tiềm lực về nguồn nhân lực nơi đây để có một chiến lược đầu tư tương xứng cho sự phát triển của đất Chín Rồng trong tương lai.

6. Định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu XH ở ĐBSCL

6.1 Định hướng chiến lược:

- Xây dựng chiến lược đầu tư mở rộng hệ thống giáo dục phổ thông để vừa nâng cấp mặt bằng học vấn vừa tạo nguồn dồi dào cho tuyển sinh CĐ và ĐH. Phần đầu đến năm 2020, giáo dục ĐBSCL có số học sinh, sinh viên theo học vượt trên mức trung bình của cả nước.

- Về hệ thống giáo dục ĐH, CĐ: đến năm 2020, ở ĐBSCL có trên 20 trường ĐH, trong đó có ít nhất 04 trường ĐH công lập cho các tỉnh Bến Tre, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang. Đối với các ĐH ngoài công lập mạnh dạn cho phép thành lập nếu hội đủ các điều kiện quy định. Đặc biệt chú trọng nâng cấp các trường CĐ lên ĐH và THCN lên cao đẳng. Mặt khác có thể nghiên cứu cho hình thành trường ĐH mở – “Tương đối rộng đầu vào – chặt đầu ra”, nhằm tạo lực lượng lao động cho địa phương (đặc biệt đối với tuyển huyện và xã). Hình thức đào tạo này có thể hạn chế về mặt chất lượng đầu ra buổi ban đầu, nhưng với thời gian gắn bó với hoạt động thực tế người học sẽ trưởng thành và tiến tới thành đạt.

Lấy trục ĐH ở Thành phố Cần Thơ và Vĩnh Long làm trung tâm ĐH ĐBSCL và có sự đầu tư thích đáng. Trong cụm trung tâm này cần xây dựng một trường ĐH Quốc tế và ĐH Bách khoa (kỹ thuật)

6.2 Các giải pháp chủ yếu:

6.2.1 Đào tạo và thu hút giáo viên, giảng viên từ nhiều nguồn trong nước.

Mở rộng các hệ đào tạo nói trên, cần có một đội ngũ giáo viên và giảng viên tương ứng. Do vậy cần có chính sách thu hút các nguồn lực này bằng các chính sách hợp lý như: Nhà công vụ, trợ cấp một lần, trợ cấp thường xuyên cho các giáo viên, giảng viên “tình nguyện” và theo thời hạn phục vụ.

6.2.2 Tuân thủ công nghệ đào tạo tiên tiến: Thực hiện đồng bộ theo hệ thống:

- Mục tiêu: hiện đại hoá giáo dục.
- Chương trình: liên thông quốc tế.

- Giáo trình: cập nhật tri thức.
- Đội ngũ giảng viên: có năng lực, giàu kinh nghiệm.

- Phương pháp giảng dạy tích cực, dân chủ, đặc biệt coi trọng giáo dục làm việc cộng đồng (theo nhóm).

- Coi giáo dục kỹ năng là một khâu trọng yếu trong quá trình đào tạo.

- Thiết bị dạy học: Theo hướng hiện đại, phát triển các phòng thí nghiệm, thực hành thật sự gần “học với hành”.

- Lớp học các môn lý thuyết (cơ bản – trừu tượng, CNTT...) Không quá 100 sinh viên và các chuyên ngành không quá 50 SV.

- Và cuối cùng là phải thật sự coi sinh viên là tâm điểm của giáo dục, đào tạo để hình thành thái độ ứng xử phù hợp.

6.2.3 Thường xuyên thực hiện thẩm định chất lượng đào tạo nội bộ để tự điều chỉnh hoàn thiện chất lượng giảng dạy.

6.2.4 Tiên tiến mở rộng quyền tự chủ cho các trường ĐH: Từ khâu quyết định chỉ tiêu, tự tuyển sinh, ngành đào tạo, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tự chủ tài chính trong khuôn khổ cho phép (đối với trường công lập) ...

6.2.5 Hỗ trợ tích cực đối với các ĐH ngoài công lập về đất đai xây dựng trường và chính sách tín dụng phát triển.

6.2.6 Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng: Một yếu tố quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và thu hút con em đến trường ngày càng đông.

Nếu có chiến lược và chính sách đầu tư thích đáng, sau 10 năm, bộ mặt giáo dục và đào tạo ở ĐBSCL sẽ nhiều khởi sắc và đóng góp tích cực hơn trong đào tạo nguồn nhân lực cao của cả nước ●